TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T,** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/DS-ST
Ngày: 15-6-2021
Về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phạm Văn Nhân.
Ông Nguyễn Mạnh Tuân.

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa***: ông Phạm Hữu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 210/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Mai D**, sinh năm 1992.
Địa chỉ: A Nguyễn Công Tg, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An.
Người đại diện theo ủy quyền của bà D là ông Trần Văn Th, sinh năm 1986.
Địa chỉ: M Ấp H, xã Mỹ T, huyện T, tỉnh Long An (theo Giấy ủy quyền ngày 05/8/2020 tại Văn phòng công chứng Phương Nam).

- *Bị đơn:* Bà **Đỗ Thị T**, sinh năm 1965.
Địa chỉ: B ấp Vĩnh B, xã A, thành phố T, tỉnh Long An.
(Ông Th, bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 9 năm 2020 của bà Lê Mai D và các lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn Th có nội dung:

Ngày 20/3/2014, bà Lê Mai D có cho bà Đỗ Thị T vay số tiền là 140.000.000đ; lãi suất vay 0%, thời hạn vay là 03 năm kể từ ngày 20/3/2014 đến ngày 20/3/2017. Hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng vay tiền ngày 20/3/2014 tại Văn phòng công chứng Châu Thành số 1202 quyển số 01/TP/CC/HĐCC. Từ năm 2017 cho đến năm 2019, bà T đã trả cho bà D được số tiền là 80.000.000đ, còn lại 60.000.000đ cho đến nay vẫn chưa trả. Nay bà D khởi kiện yêu cầu bà T trả cho bà số tiền gốc vay là 60.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn, bà Đỗ Thị T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Bà Đỗ Thị T đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà T không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; phiên hòa giải do Tòa án tổ chức; không có văn bản thể hiện ý kiến của bà Tuyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Mai D. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, bà T cũng vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Lê Mai D là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: bà Lê Mai D khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Đỗ Thị T có địa chỉ cư trú tại thành phố T nên căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập bà T đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng bà T không chấp hành. Riêng ông Trần Văn Th là người đại diện theo ủy quyền của bà D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy phiên tòa hôm nay dù vắng mặt các đương sự nêu trên nhưng Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục tố tụng nên việc xét xử vắng mặt đương sự này là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về hợp đồng vay tài sản: theo lời trình bày của ông Trần Văn Th vào ngày 20/3/2014, bà Lê Mai D có cho bà Đỗ Thị T vay số tiền là 140.000.000đ, lãi suất cho vay là 0%, các bên thỏa thuận đến ngày 20/3/2017 bà T sẽ hoàn trả số tiền trên. Tuy nhiên, từ năm 2017 đến năm 2019 thì bà T chỉ trả cho bà D 80.000.000đ, còn lại 60.000.000đ đến nay vẫn chưa trả nên bà D khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền này. Kèm theo lời trình bày của mình, bà D cung cấp cho Tòa án "Hợp đồng vay tiền" ngày 20/3/2014 có chữ ký và chữ viết tên Đỗ Thị T được lập tại Văn phòng công chứng Châu Thành số công chứng 1202 quyển số

01TP/CC-SCC/HĐGD. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào nội dung "Hợp đồng vay tiền" ngày 20/3/2014 có chữ ký và chữ viết tên Đỗ Thị T được lập tại Văn phòng công chứng Châu Thành số công chứng 1202 quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD thì đủ cơ sở để xác định bà T có vay bà D 140.000.000đ, lãi suất vay là 0%, thời hạn vay là 3 năm. Bà D cho rằng, bà T đã trả cho bà 80.000.000đ, còn nợ lại bà D 60.000.000đ. Bà T được tòa án triệu tập hợp lệ, biết được việc bà D khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền vay còn lại nhưng bà T không có ý kiến gì đối với khoản tiền vay này nên việc bà D khởi kiện yêu cầu bà T trả cho bà D số tiền 60.000.000đ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về phương thức thanh toán: Bà Lê Mai D yêu cầu bà Đỗ Thị T có nghĩa vụ trả tiền vay, bà T không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà T trả cho bà D số tiền trên sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về lãi suất cho vay: Căn cứ "Hợp đồng vay tiền" ngày 20/3/2014 có nội dung giữa bà T và bà D có thỏa thuận lãi suất vay tiền là 0% và bà D là người khởi kiện không yêu cầu Tòa án xem xét tính lãi suất cho vay nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: bà Đỗ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000đ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Bà Lê Mai D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.500.000đ do yêu cầu khởi kiện của bà được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 217, Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Mai D về việc yêu cầu bà Đỗ Thị T trả cho bà số tiền vay là 60.000.000đ.

Buộc bà Đỗ Thị T trả cho bà Lê Mai D số tiền vay là 60.000.000đ.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi thực hiện nghĩa vụ do chậm trả tiền theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị T phải chịu 3.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Mai D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Mai D được nhận lại số tiền 1.500.000đ theo biên lai thu số 0004854 ngày 15/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THA tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Kiều Trinh